

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2024**
QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ



MỤC LỤC

- 1/ THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
- 2/ TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2024
- 3/ TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2025
- 4/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN
CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2024
- 5/ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2024

THÔNGIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Quý Khách hàng thân mến,

Trong bối cảnh nhiều thách thức năm 2024, với chiến lược tăng trưởng bền vững và sự ủng hộ, tin tưởng của Quý Khách hàng dành cho thương hiệu bảo hiểm nhân thọ hàng đầu Nhật Bản, Dai-ichi Life Việt Nam đã đạt được những thành quả đáng khích lệ với tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt trên **19.200 tỷ đồng**, doanh thu phí khai thác mới quy năm đạt khoảng **3.550 tỷ đồng**, vươn lên **dẫn đầu** trong các doanh nghiệp BHNT nước ngoài tại Việt Nam, lợi nhuận sau thuế đạt trên **2.100 tỷ đồng**, đóng góp vào ngân sách nhà nước gần **1.000 tỷ đồng**.

Sau 18 năm hình thành và phát triển (18/01/2007 – 18/01/2025), Dai-ichi Life Việt Nam tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu tại thị trường Việt Nam với tổng doanh thu phí bảo hiểm tăng gấp **52**



lần, số lượng khách hàng tăng **15** lần, tổng vốn đầu tư tăng **53** lần và tổng giá trị tài sản tăng **105** lần. Cùng với mức vốn chủ sở hữu **9.800 tỷ đồng** và tổng tài sản hơn **75.000 tỷ đồng**, Dai-ichi Life Việt Nam nằm trong **Top 3** Công ty bảo hiểm nhân thọ nước ngoài có hiệu quả kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam.

Kế thừa hơn **122** năm kinh nghiệm của Tập đoàn Dai-ichi Life cùng với đội ngũ quản lý đầu tư chuyên nghiệp, trong năm 2024 nhiều biến động, Quỹ Đầu tư của Công ty đã đạt kết quả khả quan: Quỹ Tăng Trưởng ghi nhận mức sinh lời 14,3%, Quỹ Tài Chính Năng Động và Quỹ Dẫn Đầu cùng đạt mức sinh lời xấp xỉ 19% trong năm 2024, đóng góp trong tổng số gia tăng hơn **2.500 tỷ đồng** vào giá trị tài khoản hợp đồng bảo hiểm của khách hàng.

Song hành cùng nỗ lực phát triển kinh doanh hiệu quả, năm 2024 tiếp tục là một năm ý nghĩa và thiết thực của Quỹ “Vì cuộc sống tươi đẹp” với gần **300 chương trình hỗ trợ cộng đồng** được Quỹ triển khai trên **63 tỉnh thành**, đóng góp hơn **14 tỷ đồng**, mang đến những thay đổi tích cực và cuộc sống tốt đẹp hơn cho **21.500 người dân** trong bốn lĩnh vực: sức khỏe y tế, giáo dục, môi trường và từ thiện xã hội; nâng tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng xã hội lên **76 tỷ đồng** trong 18 năm qua. Công ty đã phát động chương trình “**Kết nối Triệu Yêu Thương - Hướng về đồng bào miền Bắc**”, tài trợ hơn **6 tỷ đồng** để nhanh chóng hỗ trợ khắc phục hậu quả sau bão Yagi và mưa lũ nhằm giúp người dân sớm ổn định cuộc sống; chăm sóc y tế, khuyến học tạo điều kiện cho trẻ em sớm đến trường tại 22 tỉnh thành bị thiệt hại nặng nề.

Kính thưa Quý khách,

Dai-ichi Life Việt Nam có được vị thế và thành công như ngày hôm nay chính là nhờ sự ủng hộ và tin yêu của Quý Khách hàng và gia đình. Chúng tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách đã luôn tin tưởng và trao gửi trọng trách bảo

vệ sức khỏe, an toàn tài chính cho chúng tôi trong 18 năm qua. Với sứ mệnh trở thành người bạn đồng hành “**Gắn bó dài lâu**”, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không ngừng nỗ lực để tiếp tục mang đến các giá trị vượt trội, giúp khách hàng bảo vệ tài chính, gia tăng giá trị tài sản một cách hiệu quả, lâu dài và bền vững.

Thay mặt Ban Lãnh đạo và toàn thể đội ngũ Nhân viên và Kinh doanh Dai-ichi Life Việt Nam, kính chúc Quý khách cùng gia đình Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công.

Trân trọng,



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2024

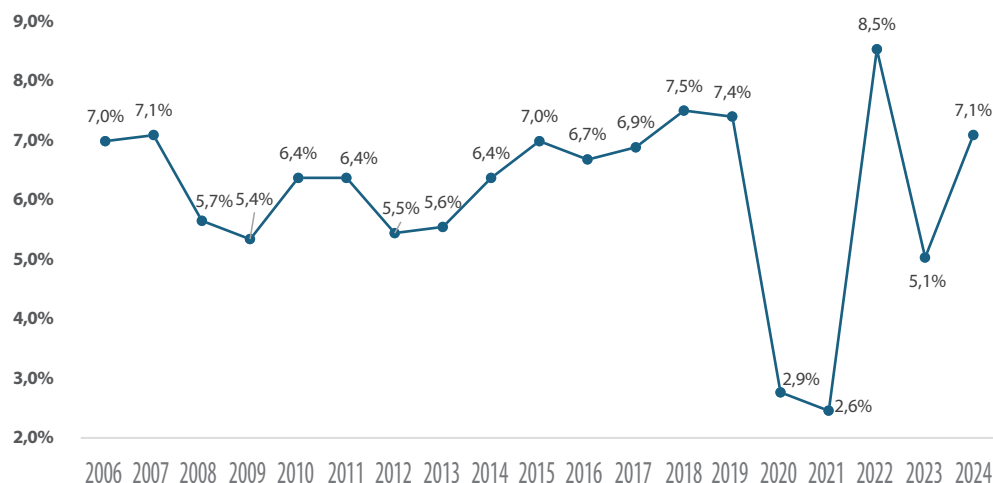
● Tăng trưởng GDP và tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011 - 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46% (Nguồn: Tổng cục Thống kê).

CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4,5%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tính chung cả năm 2024, ước đạt 786,3 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước; nhập khẩu hàng hóa đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 ước tính xuất siêu 24,77 tỷ USD.

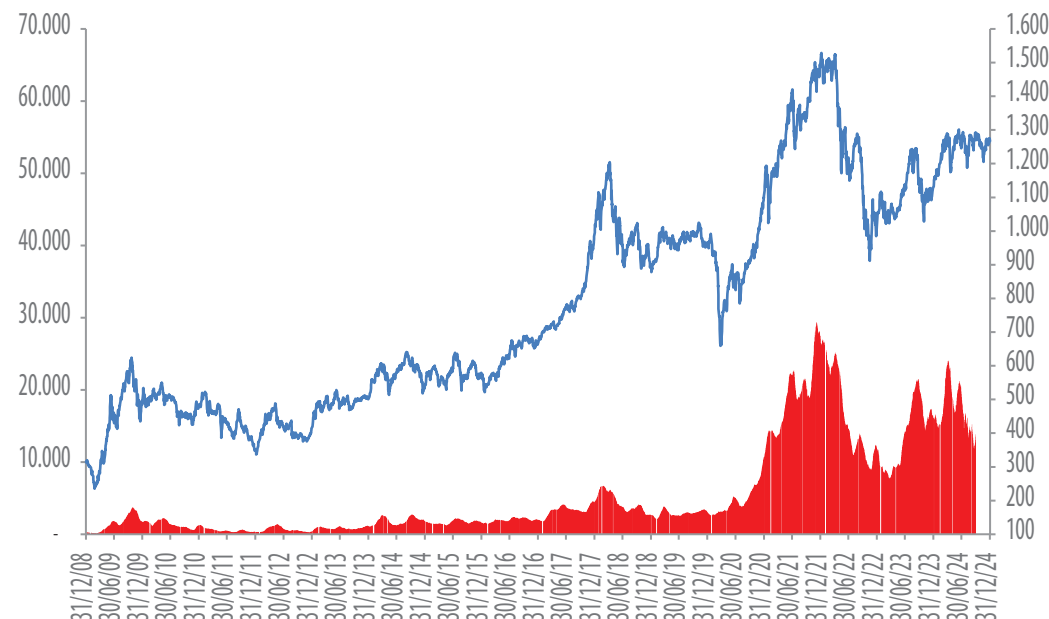
Năm 2024 là một năm biến động mạnh của tỷ giá USD/VND trước áp lực liên tục từ thị trường quốc tế cộng hưởng với các yếu tố trong nước. Tính đến ngày 31/12/2024, tỷ giá USD trung tâm dừng ở mức 24.335 đồng. So với cuối năm 2023, tỷ giá trung tâm đã tăng gần 2%; trong khi tỷ giá bán USD thị trường liên ngân hàng tăng 4,6%; tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do tăng 4,2% so với cuối năm 2023.

Tăng trưởng GDP hàng năm



● Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam

Chỉ số VN-Index (dây màu xanh, chiều qua trục bên phải) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ, chiều qua trục bên trái, đơn vị: tỷ đồng/ngày)



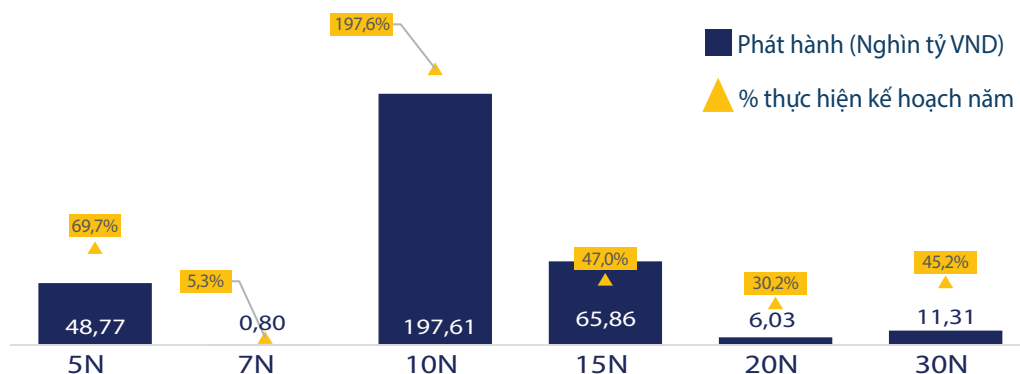
TTCK Việt Nam trong năm 2024 tăng trưởng khá tích cực bất chấp nhiều khó khăn trải qua trong năm, tính chung cả năm VN-Index tăng 12,1% so với cuối năm 2023, thuộc nhóm thị trường tăng trưởng mạnh so với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á.

Vốn hóa thị trường đến cuối năm là hơn 214,3 tỷ USD, đạt gần 45% so với quy mô GDP hiện hành năm 2024. Thanh khoản của thị trường trong năm cũng tăng khá tốt, giá trị giao dịch bình quân tăng lên hơn 18.600 tỷ đồng/phiên từ mức 15.200 tỷ đồng/phiên của năm 2023, tăng hơn 22%. Tuy nhiên tình trạng các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục rút ròng kỷ lục ra khỏi thị trường vẫn duy trì, với tổng giá trị rút ròng kỷ lục hơn 93.000 tỷ (so với mức rút ròng 24.600 tỷ đồng của cả năm 2023).

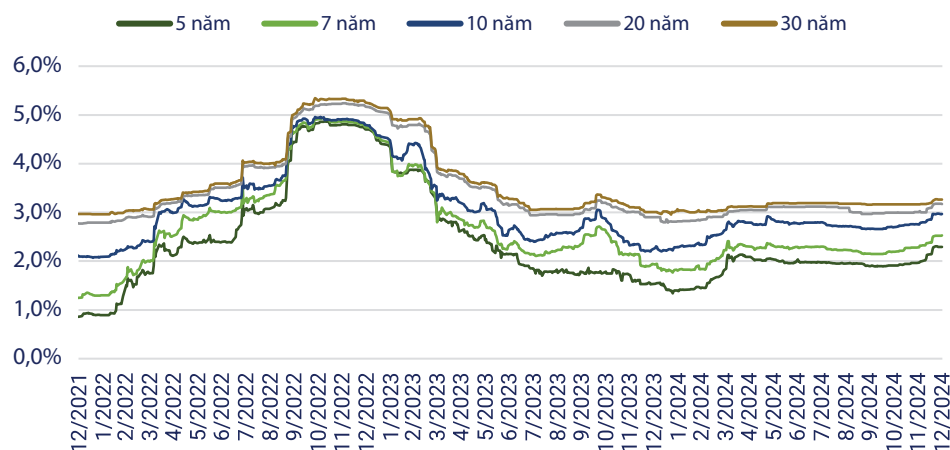
● Thị trường Trái phiếu Chính phủ (TPCP)

Thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm vào thời điểm cuối năm 2024 khi Ngân hàng Nhà nước có chính sách phát hành tín phiếu nhằm giảm áp lực tỷ giá, qua đó lợi suất TPCP có xu hướng tăng lên so với cùng kỳ, đặc biệt là ở các kỳ hạn từ 5 năm đến 15 năm. Về khối lượng phát hành, cả năm 2024, tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong năm 2024 là 330.376 tỷ đồng, tương đương 82,6% kế hoạch cả năm (400.000 tỷ đồng).

Giá trị phát hành TPCP theo kỳ hạn năm 2024



Diễn biến lợi suất TPCP - Thị trường thứ cấp



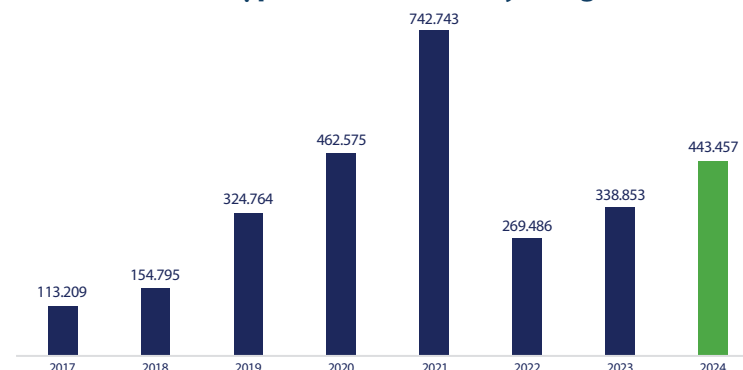
(Nguồn: Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam)

● Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)

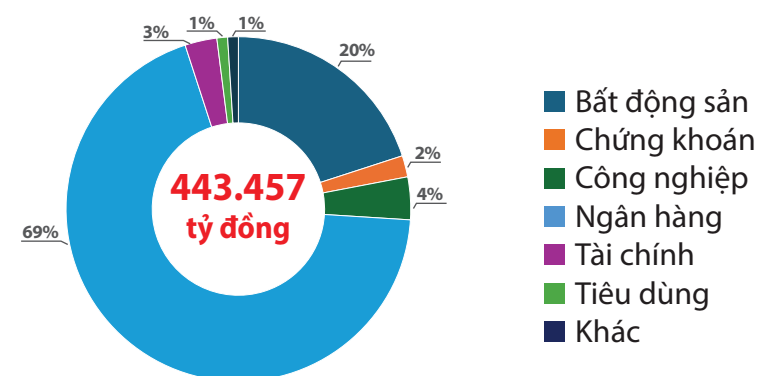
Tính cả năm 2024, có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410.544 tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32.914 tỷ đồng. Khối lượng phát hành của năm 2024 tăng 27% so với năm 2023, trong đó phát hành riêng lẻ tăng 33% so với cùng kỳ, trong khi khối lượng phát hành ra công chúng giảm 16% so với năm 2023. Ngân hàng là nhóm phát hành lớn nhất, chiếm tỷ trọng 69% tổng khối lượng cả thị trường (năm 2023 là 56,5%), tiếp theo là nhóm ngành bất động sản chiếm 20% tổng khối lượng (năm 2023 là 23,5%).

Trong năm 2025, ước tính sẽ có khoảng 216.670 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản trị giá 120.640 tỷ đồng, tương đương 55,6%. Nhìn chung áp lực đáo hạn của TPDN trong năm 2025 vẫn tiếp tục là thách thức lớn cho thị trường.

Giá trị phát hành TPDN (tỷ đồng)



Giá trị phát hành theo nhóm ngành 2024



(Nguồn: Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam)

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2025

● Triển vọng kinh tế năm 2025

Trên cơ sở quán tính tăng trưởng của năm 2024, Chính phủ đặt mục tiêu cho tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2025 ở mức 8% và làm tiền đề cho giai đoạn tăng trưởng cao cho những năm sau. Mức tăng trưởng này được đánh giá là khá khả thi trong bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước đang có nhiều dấu hiệu phục hồi và ổn định trở lại.

Lạm phát có thể không còn là mối quan ngại lớn trong năm 2025, tạo cơ sở cho việc duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và chính sách tài khóa mở rộng thông qua thúc đẩy đầu tư công.

Chính sách thúc đẩy đầu tư công đặc biệt là đầu tư vào các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng là kỳ vọng sẽ đóng vai trò dẫn dắt cho đầu tư tư nhân, tạo niềm tin cho thị trường và doanh nghiệp mạnh dạn hơn trong việc mở rộng kinh doanh trong năm 2025.

Tăng trưởng của hoạt động sản xuất khi nhu cầu của thế giới tiếp tục phục hồi, đồng thời Việt Nam có nhiều cơ hội mở rộng thị trường khi tận dụng được sự thay đổi trong xu hướng thương mại quốc tế với chính sách ngoại giao phù hợp và các hiệp định thương mại đa phương đã ký trong thời gian qua. Đồng thời, tiêu dùng trong nước được kỳ vọng tăng trưởng mạnh hơn trong năm sau.

Tuy nhiên vẫn còn nhiều biến số khó đoán tác động đến kinh tế vĩ mô Việt Nam trong năm 2025 như xung đột địa chính trị trên nhiều khu vực trên thế giới chưa có dấu hiệu kết thúc, chính sách điều hành lãi suất của FED còn nhiều biến số. Bên cạnh đó các chính sách kinh tế trong nhiệm kỳ mới của Tổng thống Mỹ cũng cần được xem xét đánh giá tác động đến kinh tế trong nước một cách thận trọng hơn.

● Triển vọng TTCK Việt Nam năm 2025

Trong năm 2025, TTCK Việt Nam vẫn có nhiều động lực tăng trưởng với các chính sách hỗ trợ từ nhà điều hành. Lợi nhuận doanh nghiệp có thể tiếp tục được cải thiện với mục tiêu chính sách tiền tệ nới lỏng, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Chính sách tài khóa mở rộng thông qua hoạt động đầu tư công, làm động lực cho các khu vực khác của nền kinh tế, qua đó kỳ vọng lợi nhuận cho doanh nghiệp và tiêu dùng trong nước tiếp tục phục hồi sớm. Ngoài ra kỳ vọng nâng hạng TTCK Việt Nam trong năm sau cũng là điểm tựa cho sự phát triển bền vững.

Bên cạnh đó TTCK Việt Nam vẫn được cho định giá hấp dẫn hơn so với các thị trường khác trong khu vực. Cùng với các động lực tăng trưởng đến từ nới hạn mức cho nhà đầu tư nước ngoài, thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, và triển vọng nâng hạng thị trường Việt Nam,... sẽ là nền tảng thu hút thêm các dòng vốn ngoại trong tương lai.

Tuy nhiên, còn một số rủi ro đến thị trường còn phải quan sát thêm, đặc biệt là các yếu tố rủi ro từ bên ngoài như tỷ giá và xung đột thương mại quốc tế. Hay những sự kiện toàn cầu như xung đột địa chính trị, suy thoái kinh tế ở một số nền kinh tế lớn,... cũng có thể ảnh hưởng đến thị trường trong nước.



● Triển vọng thị trường TPCP năm 2025

Năm 2025, Chính phủ tiếp tục ưu tiên đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, coi đây là động lực then chốt cho phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh nguồn vốn quốc tế, đặc biệt là ODA, có xu hướng giảm, việc huy động vốn trong nước thông qua thị trường TPCP sẽ càng trở nên quan trọng. Thị trường TPCP sẽ tiếp tục đóng vai trò là kênh huy động vốn chủ lực cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu đầu tư công trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Điều này tạo ra áp lực phát hành TPCP cho nhu cầu ngân sách ngày càng lớn, nhưng đồng thời cũng mở ra cơ hội đầu tư hấp dẫn.

Nhờ kiểm soát lạm phát hiệu quả, Ngân hàng Nhà nước có dư địa để duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt trong dài hạn, giữ lãi suất ở mức hợp lý nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nhu cầu đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao như TPCP cũng được dự báo sẽ tăng, góp phần thúc đẩy thị trường này hoạt động sôi động. Với những yếu tố này, thị trường TPCP năm 2025 được kỳ vọng sẽ tiếp tục là kênh đầu tư an toàn và hiệu quả.

● Triển vọng thị trường TPDN năm 2025

Thị trường TPDN đang dần lấy lại niềm tin sau giai đoạn biến động. Tín hiệu tích cực từ hoạt động phát hành trong năm 2024 cho thấy xu hướng đang phục hồi. Đặc biệt, việc vận hành chính thức thị trường giao dịch thứ cấp TPDN tại HNX từ tháng 07/2023 đã tạo ra bước ngoặt quan trọng, tăng cường tính thanh khoản, minh bạch và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư. Đây là tiền đề quan trọng cho sự phát triển bền vững của thị trường TPDN trong tương lai.

Tuy nhiên, áp lực đáo hạn trái phiếu, đặc biệt là các trái phiếu liên quan đến lĩnh vực bất động sản, vẫn là một thách thức cần được quan tâm. Việc tái cấu trúc và gia hạn các khoản nợ cũng cần được giám sát chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro cho thị trường. Mặc dù vậy, với những nỗ lực cải thiện khung pháp lý và tăng cường giám sát, thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi và phát triển theo hướng minh bạch và bền vững hơn trong năm 2025, mang lại cơ hội đầu tư đa dạng cho các nhà đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều rủi ro và bất định do xung đột leo thang, cạnh tranh chiến lược, bảo hộ thương mại gia tăng, nợ công cao và chuỗi cung ứng gián đoạn. Thiên tai, thời tiết cực đoan cũng tác động mạnh đến kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu dần ổn định nhờ thương mại phục hồi, lạm phát giảm và thị trường tài chính nới lỏng. Đến tháng 12/2024, các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 2,7% - 3,2%, tương đương năm 2023.

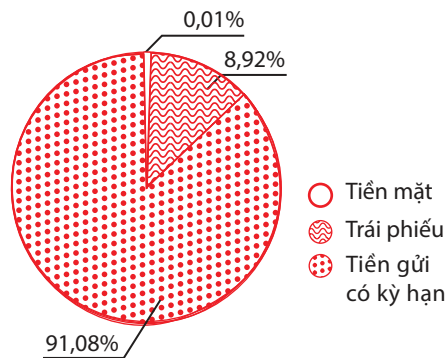
Trên thị trường cổ phiếu, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm vào cuối năm 2024, tăng 12,1% so với cuối năm 2023. Vốn hóa thị trường đạt 7,2 nghìn tỷ đồng, tăng 21,2% so với cuối năm trước. Thị trường trái phiếu cũng ghi nhận sự tăng trưởng giá trị phát hành TPDN đạt khoảng 454,4 nghìn tỷ đồng, tăng 30,5% so năm 2023; huy động vốn cho ngân sách nhà nước thông qua đấu thầu TPCP đạt 330,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7%. Cùng với sự tăng trưởng thị trường giá trị tài sản của hầu hết các Quỹ Liên kết đơn vị đều có xu hướng tăng theo tương ứng.



A/ SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ - PHÍ ĐƠN KỲ

Từ khi thành lập các Quỹ Liên kết đơn vị - Phí Đơn Kỳ (tháng 10/2016) đến cuối năm 2024, hoạt động đầu tư của các Quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Cụ thể, tính từ khi thành lập đến ngày 31/12/2024, Quỹ Thịnh Vượng đạt tỷ suất sinh lời 108,27% (tương đương 9,38%/năm). Theo xu hướng tăng của thị trường trong năm 2024, Quỹ Thịnh Vượng tăng với tỷ suất +14,33%. Bên cạnh đó, Quỹ Đảm Bảo vẫn giữ mức tăng trưởng ổn định 49,09% (tương đương 5,00%/năm).

QUỸ ĐẢM BẢO

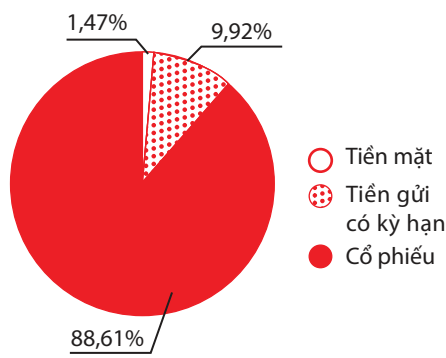


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

Quỹ này có lợi suất tăng trưởng cố định với tỷ lệ lợi nhuận là 5,00%/ năm, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định và được đảm bảo lợi suất cố định nên tính biến động và rủi ro rất thấp. Trong năm 2024, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 5,00% (từ 14.533,53 đồng lên 15.262,23 đồng).

QUỸ THỊNH VƯỢNG



(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

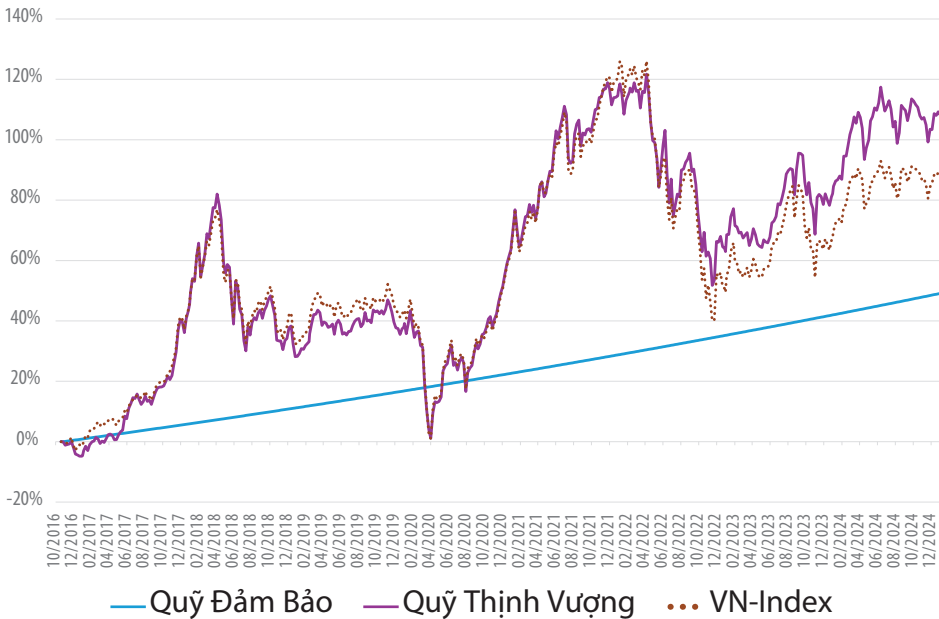
Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do tác động tăng từ thị trường trong năm 2024, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 14,33% (từ 18.217,10 đồng lên 20.827,03 đồng).

Bảng thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ qua từng năm

Năm	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VN-Index
2016*	0,89%	-4,70%	-1,30%
2017	5,00%	52,64%	48,03%
2018	5,00%	-11,78%	-9,32%
2019	5,00%	7,53%	7,67%
2020	5,00%	19,60%	14,87%
2021	5,00%	31,02%	35,73%
2022	5,00%	-24,62%	-32,78%
2023	5,00%	11,77%	12,20%
2024	5,00%	14,33%	12,11%
Tỷ suất sinh lời quy năm	5,00%	9,38%	8,02%
Từ 26/10/2016 đến 31/12/2024	49,09%	108,27%	88,06%

* Từ 26/10/2016 đến 31/12/2016
Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp

Biểu đồ thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ



B/ SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT
ĐƠN VỊ - PHÍ ĐỊNH KỲ

Từ khi thành lập các Quỹ Liên kết đơn vị khác (tháng 6/2015) đến cuối năm 2024, hoạt động đầu tư của các Quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2024, Quỹ Tăng Trưởng đạt tỷ suất sinh lời 156,05% (tương đương 10,30%/năm), Quỹ Phát Triển đạt tỷ suất lợi nhuận 116,93% (tương đương 8,41%/năm), và Quỹ Bảo Toàn đạt tỷ suất lợi nhuận ổn định 70,31% (tương đương 5,71%/năm). Do xu hướng tăng của thị trường trong năm 2024, Quỹ Tăng Trưởng tăng với tỷ suất +14,33% và Quỹ Phát Triển tăng +7,00%. Quỹ Bảo Toàn vẫn giữ được tăng trưởng ổn định ở mức +4,65% trong năm 2024.

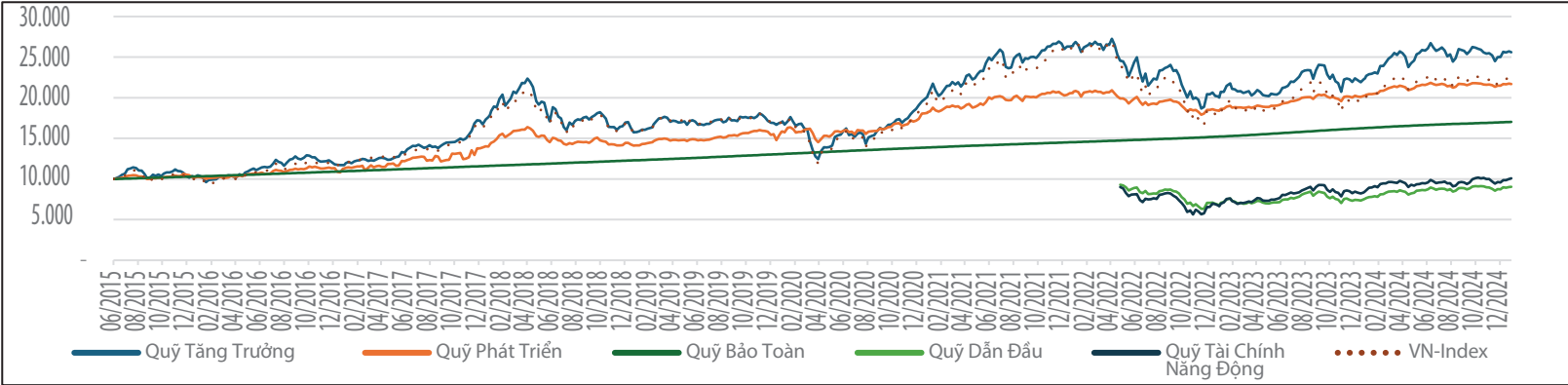
Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng, hai Quỹ Liên kết đơn vị mới (Quỹ Dẫn Đầu và Quỹ Tài Chính Năng Động) được thành lập vào tháng 04/2022. Với xu hướng tăng của thị trường năm 2024, cả hai Quỹ đều đạt tỷ suất lợi nhuận dương lần lượt là Quỹ Dẫn Đầu tăng tỷ suất +19,18% và Quỹ Tài Chính Năng Động tăng tỷ suất +18,88%.

Năm	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	VN-Index
2015 (*)	4,59%	2,61%	3,24%			1,96%
2016	12,01%	9,93%	6,06%			14,82%
2017	52,64%	26,56%	6,08%			48,03%
2018	-11,78%	-1,05%	5,90%			-9,32%
2019	7,53%	11,95%	6,29%			7,67%
2020	19,60%	15,19%	6,16%			14,87%
2021	31,02%	13,88%	4,70%			35,73%
2022	-24,62%	-11,32%	4,74%	-27,17% (**)	-26,13% (**)	-32,78%
2023	11,77%	10,20%	6,91%	11,94%	27,22%	12,20%
2024	14,33%	7,00%	4,65%	19,18%	18,88%	12,11%
Tỷ suất sinh lời quy năm	10,30%	8,41%	5,71%	-1,07%	4,22%	8,73%
Từ khi thành lập đến 31/12/2024	156,05%	116,93%	70,31%	-2,84% (***)	11,72% (***)	123,06%

(*) Từ 03/06/2015 đến 31/12/2015 (**) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2022 (***) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2024

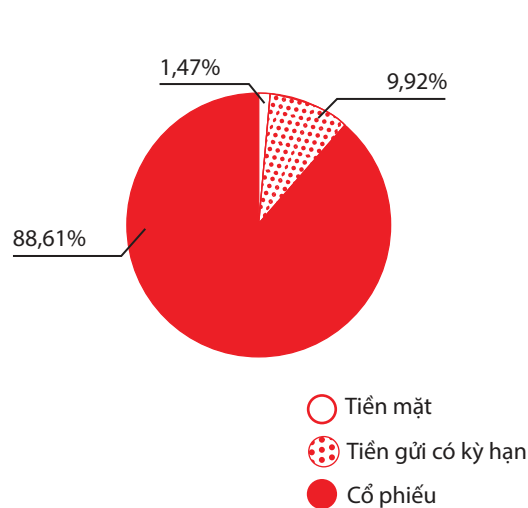
Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp

Biểu đồ thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ

QUỸ TĂNG TRƯỞNG

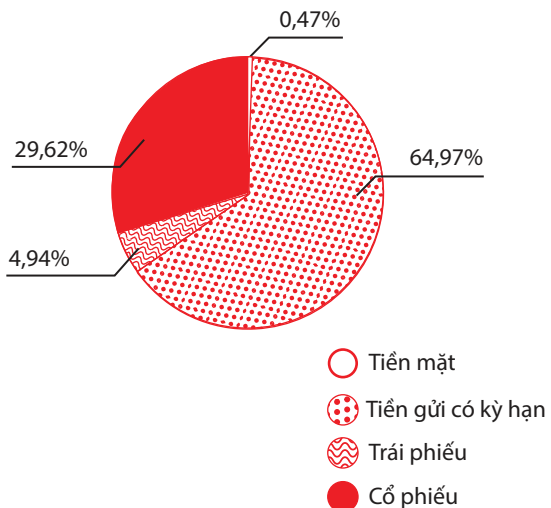


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do xu hướng tăng từ thị trường trong năm 2024, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 14,33% (từ 22.396,26 đồng lên 25.604,93 đồng).

QUỸ PHÁT TRIỂN

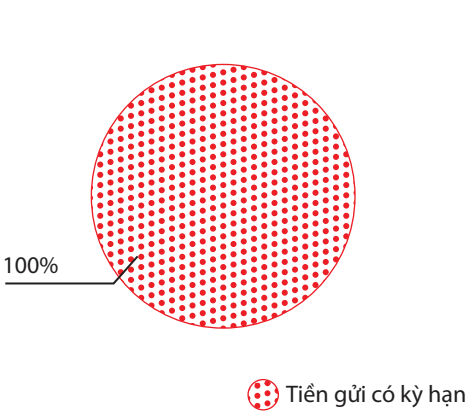


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

Quỹ này có mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn từ trung đến dài hạn nên Quỹ có danh mục đầu tư đa dạng. Quỹ được phân bổ với tỷ trọng đầu tư chủ yếu vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam mang lại thu nhập ổn định đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn.

Do tính đa dạng trong danh mục đầu tư nên tính biến động và rủi ro của Quỹ này thấp hơn so với Quỹ Tăng Trưởng. Trong năm 2024, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 7,00% (từ 20.272,87 đồng lên 21.692,89 đồng).

QUỸ BẢO TOÀN

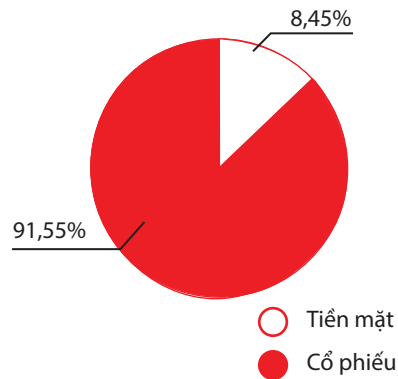


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

Quỹ này có mục tiêu giữ bảo toàn vốn và tạo thu nhập ổn định, Quỹ chủ yếu đầu tư vào các tài sản bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

Quỹ này tập trung đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định nên tính biến động và rủi ro thấp so với các Quỹ còn lại. Trong năm 2024, Quỹ Bảo Toàn vẫn giữ nguyên mức tăng trưởng ổn định. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 4,65% (từ 16.274,31 đồng lên 17.030,63 đồng).

QUỸ DẪN ĐẦU

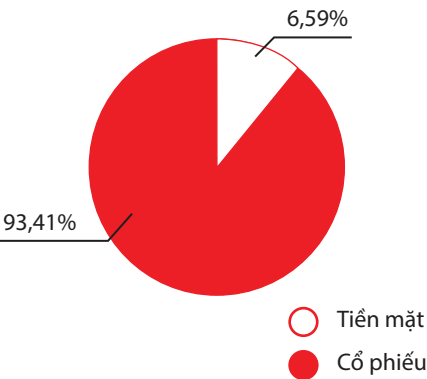


(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do tác động tăng từ thị trường năm 2024, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 19,18% (từ 7.577,19 đồng lên 9.030,16 đồng).

QUỸ TÀI CHÍNH NĂNG ĐỘNG



(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.

Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của Quỹ này cũng cao tương ứng. Do tác động tăng từ thị trường năm 2024, giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị quỹ tăng 18,88% (từ 8.470,39 đồng lên 10.069,85 đồng).

DANH SÁCH 5 CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

Quỹ	Cổ Phiếu	Công Ty	Nhóm Ngành	Tỷ Trọng (% NAV)
Quỹ Tăng Trưởng & Quỹ Thịnh Vượng	FPT	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Công Nghệ Thông Tin	10,96%
	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tài Chính - Ngân Hàng	7,50%
	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	7,10%
	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	5,41%
	MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	Tài Chính - Ngân Hàng	4,78%
Quỹ Dẫn Đầu	FPT	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Công Nghệ Thông Tin	11,32%
	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	8,37%
	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tài Chính - Ngân Hàng	7,70%
	HPG	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát	Nguyên Vật Liệu - Thép xây dựng	6,98%
	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Tài Chính - Ngân Hàng	6,79%
Quỹ Tài Chính Năng Động	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Tài Chính - Ngân Hàng	13,71%
	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài Chính - Ngân Hàng	14,05%
	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Tài Chính - Ngân Hàng	12,40%
	MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	Tài Chính - Ngân Hàng	9,29%
	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tài Chính - Ngân Hàng	8,60%

(Số liệu cập nhật ngày 31/12/2024)

MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CỦA CÁC QUỸ

Tên Quỹ	Mục tiêu	Chính sách và rủi ro đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
Quỹ Tăng Trưởng	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (80% - 100%), TPCP, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (0% - 20%).
Quỹ Phát Triển	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn. Rủi ro đầu tư: Trung bình	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (15% - 55%), TPCP, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (45% - 85%).
Quỹ Bảo Toàn	Tạo thu nhập ổn định.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp	TPCP, tiền gửi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép (100%).
Quỹ Đảm Bảo	Tạo thu nhập ổn định.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp	TPCP, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập ổn định khác mà pháp luật cho phép.
Quỹ Thịnh Vượng	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời đầu tư vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Cao	Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công cụ tài chính khác mà pháp luật cho phép.
Quỹ Dẫn Đầu	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. Rủi ro đầu tư: Cao	Đầu tư chủ yếu (80% - 100%) vào 30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và (0% - 20%) vào TPCP, và tiền gửi các tổ chức tín dụng.
Quỹ Tài Chính Năng Động	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. Rủi ro đầu tư: Cao	Đầu tư chủ yếu (80% - 100%) vào chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng và (0% - 20%) vào TPCP và tiền gửi các tổ chức tín dụng.



CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Phí quản lý quỹ

Quỹ	Tỷ lệ	Số tiền (VND)
Quỹ Tăng Trưởng	2,00%	48.484.354.709
Quỹ Phát Triển	2,00%	14.936.907.216
Quỹ Bảo Toàn	0,50%	1.014.514.066
Quỹ Đảm Bảo	(*)	(343.428.650)
Quỹ Thịnh Vượng	2,00%	787.430.955
Quỹ Dẫn Đầu	2,00%	3.370.719.301
Quỹ Tài Chính Năng Động	2,00%	2.383.666.212

Ghi chú:

(*) Khoản chênh lệch giữa mức tăng trưởng thực tế của Quỹ Đảm Bảo và mức tăng trưởng đảm bảo.

Phí đầu tư trực tiếp

Quỹ	Số tiền (VND)
Quỹ Tăng Trưởng	4.408.917.009
Quỹ Phát Triển	485.138.170
Quỹ Bảo Toàn	2.378.749
Quỹ Đảm Bảo	1.155.000
Quỹ Thịnh Vượng	73.562.543
Quỹ Dẫn Đầu	22.941.584
Quỹ Tài Chính Năng Động	25.798.875

Cổ tức và ảnh hưởng cổ tức đến tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Các Quỹ đều là quỹ không chia cổ tức nên các Quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.

Chi tiết về các khoản lãi chia đã thực hiện

Công ty không áp dụng hình thức chia lãi đối với sản phẩm này.

Đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết đơn vị, liệt kê một số trường hợp điển hình làm thay đổi đánh giá triển vọng này

Công ty nhận định rằng các khoản đầu tư này vẫn tiếp tục có triển vọng tốt về mặt dài hạn trong tương lai và chính sách đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết đơn vị sẽ không có sự thay đổi.

Các chỉ số liên quan trong những lĩnh vực đầu tư mà Quỹ Liên kết đơn vị đang đầu tư

Công ty hiện đang theo dõi các chỉ số VN-Index & VN100 Index (Quỹ Tăng Trưởng, Quỹ Thịnh Vượng), VN30 (Quỹ Dẫn Đầu), và FINLEAD (Quỹ Tài Chính Năng Động). Đối với các quỹ còn lại, hiện tại chưa có chỉ số phù hợp.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2024

Các số liệu và thông tin trình bày dưới đây được trích ra từ Báo cáo Hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Life Việt Nam. Chúng tôi xin đảm bảo những nội dung trên là đúng sự thực.

Các số liệu này đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán và trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần ngày 28 tháng 3 năm 2025.

I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRONG NĂM

Đơn vị tính: VND

A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm (a)	2.902.926.442.776
- Phí cơ bản	2.301.085.136.842
- Phí đóng thêm	601.841.305.934
B. Phần đóng góp tương ứng của Quỹ Chủ sở hữu vào các Quỹ Liên kết đơn vị (b)	(251.449.146.095)
C. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (c)	888.179.892.750
Năm thứ nhất	137.888.126.650
Năm thứ hai	345.454.762.300
Năm thứ ba	316.849.269.100
Năm thứ tư	81.851.938.300
Năm thứ năm	3.455.728.300
Từ năm thứ sáu trở đi	2.680.068.100
D. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị [(d) = (a) – (c)]	2.014.746.550.026



Quỹ	Số dư đầu kỳ				Tăng/(giảm) trong kỳ		Số dư cuối kỳ			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán
Quỹ Tăng Trưởng	1.954.399.090.188	87.264.527,09	22.396,26	22.396,26	752.886.266.993	18.468.459,24	2.707.285.357.181	105.732.986,33	25.604,93	25.604,93
Quỹ Phát Triển	649.054.774.152	32.015.934,67	20.272,87	20.272,87	197.631.398.913	7.014.641,03	846.686.173.065	39.030.575,70	21.692,89	21.692,89
Quỹ Bảo Toàn	176.314.113.057	10.833.891,39	16.274,31	16.274,31	100.621.293.599	5.427.125,73	276.935.406.656	16.261.017,12	17.030,63	17.030,63
Quỹ Đảm Bảo	72.476.381.702	4.986.839,52	14.533,53	14.533,53	3.290.797.147	(22.481,17)	75.767.178.849	4.964.358,34	15.262,23	15.262,23
Quỹ Thịnh Vượng	34.676.832.233	1.903.531,50	18.217,10	18.217,10	5.761.895.539	38.114,81	40.438.727.772	1.941.646,31	20.827,03	20.827,03
Quỹ Dẫn Đầu	142.712.409.199	18.834.465,60	7.577,19	7.577,19	46.583.517.178	2.128.166,89	189.295.926.377	20.962.632,50	9.030,16	9.030,16
Quỹ Tài Chính Năng Động	100.708.412.063	11.889.464,54	8.470,39	8.470,39	30.829.862.048	1.173.114,61	131.538.274.111	13.062.579,14	10.069,85	10.069,85
	3.130.342.012.594	167.728.654,31			1.137.605.031.417	34.227.141,14	4.267.947.044.011	201.955.795,44		

II. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	Tổng cộng
Tiền mặt	40.772.549.453	4.291.248.835	13.279.174	509.900	609.019.667	16.063.616.721	8.717.046.078	70.467.269.828
Chi tiết danh mục đầu tư	2.667.400.758.245	842.672.611.959	276.944.821.920	75.761.599.315	39.842.971.423	173.294.403.500	122.864.365.100	4.198.781.531.462
- Tiền gửi có kỳ hạn	268.564.108.198	550.010.137.991	276.944.821.920	69.005.382.192	4.011.542.718	-	-	1.168.535.993.019
- Trái phiếu Chính phủ	-	41.847.470.820	-	6.756.217.123	-	-	-	48.603.687.943
- Cổ phiếu niêm yết	2.398.836.650.047	250.815.003.148	-	-	35.831.428.705	173.294.403.500	122.864.365.100	2.981.641.850.500
Tài sản khác	(887.950.517)	(277.687.729)	(22.694.438)	5.069.634	(13.263.318)	(62.093.844)	(43.137.067)	(1.301.757.279)
Tổng tài sản	2.707.285.357.181	846.686.173.065	276.935.406.656	75.767.178.849	40.438.727.772	189.295.926.377	131.538.274.111	4.267.947.044.011



III. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	Quỹ Dẫn Đầu	Quỹ Tài Chính Năng Động	Tổng cộng
Thu nhập/ Doanh thu								
Phí bảo hiểm đầu tư vào vào Quỹ Liên kết đơn vị	1.200.491.003.075	418.475.590.371	161.409.589.254	6.923.098	2.307.699	133.434.387.078	100.926.749.451	2.014.746.550.026
Phần đóng góp tương ứng của Quỹ Chủ sở hữu vào Quỹ Liên kết đơn vị	(170.553.233.981)	(55.688.984.959)	31.578.155.405	(347.101.083)	779.462.376	(31.584.812.282)	(25.632.631.571)	(251.449.146.095)
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	341.204.654.318	62.151.940.387	10.106.712.255	3.288.944.982	5.841.118.963	31.297.257.067	22.186.724.455	476.077.352.427
- Tiền gửi có kỳ hạn	585.596.792	20.320.251.693	10.106.712.255	3.316.246.853	8.786.856	-	-	34.337.594.449
- Trái phiếu chính phủ	-	(8.356.303)	-	(27.301.871)	-	-	-	(35.658.174)
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	2.711.954.275	-	-	-	-	-	2.711.954.275
- Cổ phiếu	340.619.057.526	39.128.090.722	-	-	5.832.332.107	31.297.257.067	22.186.724.455	439.063.461.877
Thu nhập khác	28.230.092.400	8.031.004.800	1.494.157.100	-	-	116.884.100	118.660.800	37.990.799.200
Tổng thu nhập/ doanh thu (1)	1.399.372.515.811	432.969.550.599	204.588.614.014	2.948.766.997	6.622.889.037	133.263.715.963	97.599.503.135	2.277.365.555.558
Chi phí								
Phí bảo hiểm rủi ro	366.577.369.698	150.795.141.245	77.856.302.505	243.500	-	61.064.110.017	49.499.096.935	705.792.263.900
Phí quản lý hợp đồng	34.955.862.802	14.307.862.555	7.270.476.495	-	-	5.720.317.283	4.617.505.865	66.872.025.000
Phí chuyển đổi quỹ	200.000	100.000	200.000	-	-	50.000	50.000	600.000
Phí huỷ bỏ hợp đồng	192.059.544.600	54.813.002.500	17.823.448.600	-	-	16.502.060.600	10.243.523.200	291.441.579.500
Chi phí hoạt động đầu tư	4.408.917.009	485.138.170	2.378.749	1.155.000	73.562.543	22.941.584	25.798.875	5.019.891.930
Tổng chi phí (2)	598.001.894.109	220.401.244.470	102.952.806.349	1.398.500	73.562.543	83.309.479.484	64.385.974.875	1.069.126.360.330
Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) – (2)]	801.370.621.703	212.568.306.129	101.635.807.665	2.947.368.497	6.549.326.495	49.954.236.479	33.213.528.260	1.208.239.195.228
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập phân chia	801.370.621.703	212.568.306.129	101.635.807.665	2.947.368.497	6.549.326.495	49.954.236.479	33.213.528.260	1.208.239.195.228
- Cho Chủ hợp đồng	752.886.266.993	197.631.398.913	100.621.293.599	3.290.797.147	5.761.895.539	46.583.517.178	30.829.862.048	1.137.605.031.417
- Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)	48.484.354.710	14.936.907.216	1.014.514.066	(343.428.650)	787.430.956	3.370.719.301	2.383.666.212	70.634.163.811
- Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mỗi)	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Quốc Anh

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

Ishida Masanori

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Huỳnh Vũ Đại Trọng

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Hồng Hải



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

■ TẬP ĐOÀN DAI-ICHI LIFE

Dai-ichi Life được thành lập vào năm 1902, là công ty bảo hiểm nhân thọ (BHNT) tương hỗ đầu tiên của Nhật Bản (Dai-ichi Mutual Life Insurance Company, Limited). Dai-ichi Life rời khỏi cơ cấu công ty tương hỗ, cổ phần hóa và niêm yết trên thị trường chứng khoán Tokyo vào năm 2010, và chuyển sang cơ cấu công ty cổ phần vào năm 2016 (Dai-ichi Life Holdings Inc.). Dai-ichi Life Holdings Inc. là một trong những tập đoàn BHNT hàng đầu tại Nhật Bản với tổng giá trị tài sản 446 tỷ đô-la Mỹ, doanh thu phí bảo hiểm đạt 50 tỷ đô-la Mỹ (tính đến ngày 31/03/2024).

Ngoài Việt Nam, tập đoàn Dai-ichi Life đã mở rộng hoạt động kinh doanh BHNT sang Ấn Độ, Thái Lan, Úc, Indonesia, Campuchia, Myanmar, Mỹ và New Zealand. Tập đoàn Dai-ichi Life đã mở Trụ sở Khu vực Châu Á Thái Bình Dương tại Singapore và Trụ sở Khu vực Bắc Mỹ tại New York.



Tòa nhà trụ sở Dai-ichi Life Holdings tại Tokyo, Nhật Bản

■ CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Là thành viên của Tập đoàn Dai-ichi Life, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi Life Việt Nam) được thành lập vào tháng 1/2007, và đây là thị trường nước ngoài đầu tiên mà Tập đoàn Dai-ichi Life có công ty BHNT sở hữu 100% vốn.

Sau hơn 18 năm hoạt động, Dai-ichi Life Việt Nam đã xây dựng nền tảng vững chắc và giữ vững vị thế là một trong bốn công ty BHNT hàng đầu về tổng doanh thu phí bảo hiểm tại Việt Nam. Dai-ichi Life Việt Nam tự hào giữ vị trí thứ 3 về mạng lưới phục vụ khách hàng với hệ thống 300 Văn phòng và Tổng đại lý trên 63 tỉnh thành cả nước, cùng đội ngũ hơn 2.000 nhân viên và 100.000 Tư vấn Tài chính chuyên nghiệp (tính đến ngày 31/12/2024).

Dai-ichi Life Việt Nam có vốn điều lệ gần 9.800 tỷ đồng, hiện là một trong những công ty BHNT có vốn đầu tư lớn nhất trên thị trường, minh chứng tiềm lực tài chính vững mạnh cũng như cam kết “Gắn bó dài lâu” với khách hàng Việt Nam.



TẬN HƯỞNG TIỆN ÍCH

Dai-ichi Connect

- Dễ dàng thao tác
- Giao dịch mọi lúc mọi nơi
- Tận hưởng điểm thưởng nhanh chóng

TẢI ỨNG DỤNG DAI-ICHI CONNECT TẠI ĐÂY:



Ngoài ra, khách hàng có thể truy cập Cổng thông tin Khách hàng tại <http://kh.dai-ichi-life.com.vn> để truy vấn hợp đồng và thực hiện giao dịch.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3810 0888

| Fax: (028) 3997 3000

| www.dai-ichi-life.com.vn